

Số: 01/2022/QĐST-VDS

Lục Ngạn, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

- ***Thẩm phán – Chủ trì phiên họp:*** Bà Lương Thị Ngọc Hà.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-VDS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2022/QĐ-TA ngày 28 tháng 7 năm 2022.

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Anh Triệu Văn T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- ***Người bị yêu cầu:*** Ông Triệu Văn L, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1970; nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

***Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Triệu Văn T trình bày:***

Ông Triệu Văn L, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1970 là cha, mẹ đẻ của anh. Bà Đặng Thị B bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1991, ông Triệu Văn L bỏ đi từ năm 2011 đến nay, không có tin tức gì, không liên lạc với gia đình anh. Do vậy, anh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B mất tích.

Tại biên bản xác minh với địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B, địa phương cho biết:

Ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B là công dân thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trong đó ông Triệu Văn L có hộ khẩu tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khoảng cuối năm 1991 đến nay thì địa phương không còn thấy bà Đặng Thị B có mặt ở nhà nữa. Từ năm 2011, ông Triệu Văn L bỏ đi đâu đến nay không rõ nên địa phương không còn thấy ông Triệu Văn L có mặt ở nhà nữa. Gia đình anh Triệu Văn T có thông báo tìm kiếm tại UBND xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nhưng không có kết quả.

Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TA ngày 21-3-2022 về việc thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B. Báo Công lý đã nhấn tin tìm ông Năm trên ba số liên tiếp; Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát sóng nhấn tin tìm ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B trong 03 ngày. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên, nhưng vẫn không có tin tức xác thực về ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B.

Tại phiên họp, anh Triệu Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B mất tích.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn có quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn chấp nhận đơn yêu cầu của anh Triệu Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích là thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 27 điểm a khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, yêu cầu của anh Triệu Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung: Ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B là công dân thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trong đó ông Triệu Văn L có hộ khẩu tại thôn H, xã T,

huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khoảng cuối năm 1991 đến nay thì địa phương không còn thấy bà Đặng Thị B có mặt ở nhà nữa. Từ năm 2011 đến nay, ông Triệu Văn L bỏ đi đâu không rõ. Gia đình anh Triệu Văn T có thông báo tìm kiếm tại UBND xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nhưng không có kết quả. Anh Triệu Văn T đã tìm kiếm nhiều nơi và áp dụng nhiều biện pháp để tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B nên anh Triệu Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B mất tích.

[3] Sau khi việc dân sự được thụ lý theo đơn yêu cầu của anh Triệu Văn T, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông Lâm và bà Bé đều xác định ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B thì được biết bà Bé bỏ nhà đi từ năm 1991 và ông Lâm bỏ đi từ năm 2011, đến nay cả bà Bé và ông Lâm đều không có tin tức gì.

[4] Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TA ngày 21-3-2022 về việc thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B. Báo Công lý đã nhấn tin tìm ông Năm trên ba số liên tiếp; Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát sóng nhấn tin tìm ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B trong 03 ngày. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên, nhưng vẫn không có tin tức xác thực về ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B.

[5] Do đó, anh Triệu Văn T yêu cầu Tòa tuyên bố ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B mất tích là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lệ phí: Anh Triệu Văn T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu của anh Triệu Văn T. Tuyên bố: Ông Triệu Văn L, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1970; nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang mất tích.

**2.** Lệ phí: Anh Triệu Văn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, xác nhận anh Triệu Văn T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số: 0010632 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**3.** Người yêu cầu có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ

ngày Tòa án ra quyết định. Ông Triệu Văn L và bà Đặng Thị B có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được thông báo, niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Lương Thị Ngọc Hà**

*Mẫu số 21-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN  
DÂN.....<sup>(1)</sup>**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN  
PHIÊN HỌP SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Vào hồi... giờ...phút, ngày.... tháng....  
năm.....

Tại trụ sở Tòa án nhân dân

.....  
Tòa án nhân dân mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ lý số.../.../TLST-  
.... ngày.... tháng.... năm..... về  
việc<sup>(2)</sup> .....

.....  
**I. Những người tiến hành tổ tụng**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông (Bà)

.....  
*Các Thẩm phán:*<sup>(3)</sup> Ông (Bà)

.....  
Ông (Bà)

.....  
*Thư ký phiên họp:* Ông

(Bà)<sup>(4)</sup> .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) .....- Kiểm sát viên

## **II. Những người tham gia phiên họp**

### **1. Người yêu cầu giải quyết việc dân**

sự:<sup>(5)</sup>.....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân

sự:<sup>(6)</sup>.....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân

sự:<sup>(7)</sup>.....

.....

### **2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên**

quan:<sup>(8)</sup>.....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(9)</sup>.....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(10)</sup>.....

.....

### **3. Người làm chứng (nếu**

có):<sup>(11)</sup>.....

.....

### **4. Người phiên dịch (nếu**

có):<sup>(12)</sup>.....

.....

### **5. Người giám định (nếu**

có):<sup>(13)</sup>.....

.....

## **III. Phần thủ tục bắt đầu phiên họp**

- Thư ký phiên họp báo cáo Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp.<sup>(14)</sup>

- Thẩm phán Chủ tọa phiên họp khai mạc phiên họp, kiểm tra về sự có mặt, vắng mặt của người được triệu tập tham gia phiên họp và căn cước của họ, giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia phiên họp.

#### **IV. Phần nội dung phiên họp**

1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu, người yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự:

.....  
.....  
.....

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến về những vấn đề có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết việc dân sự:

.....  
.....  
.....

3. Người làm chứng trình bày ý kiến; người giám định trình bày kết luận giám định, giải thích những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn (nếu có):

.....  
.....  
.....

4. Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét tài liệu, chứng cứ và hỏi những người tham gia phiên họp<sup>(15)</sup> (nếu người tham gia phiên họp trình bày chưa rõ):

.....  
.....  
.....

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:

.....  
.....  
.....  
.....

***Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét các tài liệu, chứng cứ và ra quyết định giải quyết dân sự.***

***Chủ tọa phiên họp công bố toàn văn Quyết định giải quyết việc dân sự.***





(7) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(8) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (5).

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng (nếu có).

(12) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch (nếu có). Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(13) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định (nếu có). Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(14) Cần ghi rõ trường hợp khi có người tham gia vắng mặt tại phiên họp (mà không thuộc trường hợp phải hoãn phiên họp) thì Chủ tọa phiên họp phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên họp hay không; nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì nêu rõ lý do và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.

(15) Ghi các câu hỏi và trả lời của những người tham gia phiên họp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia phiên họp hoặc những người đại diện hợp pháp của họ.

(16) Ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên, những người tham gia phiên họp: những vấn đề được ghi trong biên bản phiên họp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung và những sửa đổi, bổ sung cụ thể; nếu có nhiều người yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ghi thứ tự từng người một; người có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận.

*Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN  
DÂN.....<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../...../QĐST-  
.....<sup>(2)</sup>

....., ngày ..... tháng .... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v<sup>(3)</sup>.....**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN .....**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)**

.....

Các Thẩm phán: <sup>(4)</sup> Ông (Bà)

.....  
Ông (Bà)

.....  
**Thư ký phiên họp:** Ông

(Bà)<sup>(5)</sup> .....

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại<sup>(6)</sup> ..... mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số .../.../TLST-.... ngày.... tháng .... năm..... về việc<sup>(7)</sup> .....theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ...../ ...../QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân

sự:<sup>(8)</sup> .....

.....  
Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân

sự:<sup>(9)</sup> .....

.....  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: <sup>(10)</sup> .....

.....  
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(11)</sup> .....

.....  
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(12)</sup> .....

.....  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(13)</sup> .....

.....  
- Người làm chứng (nếu

có):<sup>(14)</sup> .....

.....  
- Người phiên dịch (nếu

có):<sup>(15)</sup> .....

.....  
- *Người giám định (nếu  
có):*<sup>(16)</sup> .....

.....  
**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**<sup>(17)</sup>

.....  
**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra  
tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa  
án nhân dân ..... nhận định:<sup>(18)</sup>

[1]

.....  
[2]

.....  
[3]

.....  
**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn  
cứ<sup>(19)</sup> .....

-  
(20) .....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân

sự<sup>(21)</sup> .....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng

nghi<sup>(22)</sup> .....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án<sup>(23)</sup> .....

.....

**Nơi nhận:**

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT**

**VIỆC DÂN SỰ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**PHIÊN HỌP <sup>(24)</sup>**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu

cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm .....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại .....là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA  
PHIÊN HỌP**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”*